

PHÊ PHÁN QUAN ĐIỂM XUYỀN TẠC VAI TRÒ CỦA QUỐC HỘI NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TS PHẠM VĂN GIANG

Học viện Chính trị khu vực III

TS THÁI DOẢN VIỆT

Trường Cao đẳng Sư phạm Nghệ An

Trong những năm qua, cứ mỗi lần Đảng, Nhà nước và Nhân dân ta chuẩn bị tổ chức các sự kiện chính trị quan trọng thì các thế lực thù địch trong và ngoài nước lại tìm mọi cách để xuyên tạc, chống phá. Lần này, khi chúng ta tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026, các luận điệu sai trái, thù địch chống phá lại xuất hiện trên nhiều diễn đàn, nhất là trên không gian mạng. Trong vô số luận điệu chống phá, có luận điệu cho rằng: *Quốc hội Việt Nam chỉ là cơ quan hợp thức hóa ý chí, quyền lực của Đảng Cộng sản Việt Nam, chứ không phải là đại diện cho quyền lực, ý chí của nhân dân Việt Nam.* Theo họ, trên thực tế quyền lực của nhân dân không được thực hiện, Quốc hội Việt Nam chỉ giữ vai trò biểu quyết thông qua các quyết định của Đảng Cộng sản Việt Nam theo một chiều chấp thuận, vì phần lớn các Đại biểu Quốc hội là đảng viên nên không thể làm trái với Đảng, đứng về phía nhân dân được... Vậy sự thật có đúng như vậy không, thực chất của luận điệu trên đây là gì? Ở Chúng tôi xin trao đổi để làm rõ một số vấn đề sau đây:

1. Phải chăng Quốc hội Việt Nam là cơ quan hợp thức hóa quyền lực của Đảng Cộng sản Việt Nam?

Cơ cấu tổ chức và nguyên tắc vận hành của hệ thống chính trị ở Việt Nam là: Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quản lý và Nhân dân Việt Nam làm chủ.

Quyền làm chủ của nhân dân được thực hiện bằng hình thức dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện thông qua các cơ quan dân cử và các tổ chức chính trị - xã hội.

Trong cơ chế vận hành: Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ, thì Nhân dân là chủ thể cao nhất trong mối quan hệ đó. Cả ba chủ thể Đảng, Nhà nước, Nhân dân đều hoạt động vì mục tiêu Nhân dân làm chủ. Quyền lực của Đảng cũng như quyền lực Nhà nước không phải “từ trên trời rơi xuống” hay của bất kỳ cá nhân, tổ chức nào mà đều bắt nguồn, tồn tại và phát triển từ quyền lực của Nhân dân.

Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền, lãnh đạo Nhà nước và xã hội bằng cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách, chủ trương lớn; bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động, tổ chức, kiểm tra, giám sát và bằng hành động gương mẫu của đảng viên. Đảng Cộng sản Việt Nam là “con nôi” của Nhân dân, gắn bó mật thiết với Nhân dân, nên mọi chủ trương, đường lối của Đảng đều bắt nguồn từ lợi ích chính đáng của Nhân dân, ngoài ra không có, không vì lợi ích nào khác. *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)* khẳng định: “Đảng gắn bó mật thiết với Nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng, chịu sự giám sát

của nhân dân, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật¹. Điều 4 của Hiến pháp năm 2013 quy định: “1) Đảng Cộng sản Việt Nam - Đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội. 2) Đảng Cộng sản Việt Nam gắn bó mật thiết với Nhân dân, phục vụ Nhân dân, chịu sự giám sát của Nhân dân, chịu trách nhiệm trước Nhân dân về những quyết định của mình. 3) Các tổ chức của Đảng và đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật²”.

Như vậy, sự lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam không phải là áp đặt, độc quyền, mà xuất phát từ quyền và lợi ích của Nhân dân, chịu sự giám sát của Nhân dân, chịu trách nhiệm trước Nhân dân về những quyết định của mình. Do đó, Đảng Cộng sản Việt Nam mang bản chất giai cấp công nhân, đại diện cho lợi ích của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam. Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị, nhưng đồng thời là bộ phận của hệ thống ấy. Vì vậy, các tổ chức của Đảng và đảng viên hoạt động trong khuôn khổ của Hiến pháp và pháp luật, không có chuyện Đảng đứng trên, đứng ngoài pháp luật, mà bình đẳng trước pháp luật như các chủ thể chính trị khác trong xã hội.

Với vị trí, vai trò đó, Đảng Cộng sản Việt Nam thực hiện sự lãnh đạo đối với hoạt động của Nhà nước vì lợi ích của Nhân dân, không nhà nước hóa, hành chính hóa, không bao biện, làm thay công việc của Nhà nước. Hệ thống pháp luật do Đảng lãnh đạo xây dựng nên để thể hiện mục tiêu chính trị của Đảng, ý chí, nguyện vọng của Nhân dân. Do vậy, để thực hiện quyền lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, quyền làm chủ của Nhân dân thì không có cách nào khác hơn là thực hiện nghiêm minh Hiến pháp và pháp luật. Đảng không làm thay Nhà nước, nhưng Đảng không thể đứng ngoài Nhà nước, cho nên, “Đảng giới thiệu những đảng viên ưu tú có đủ năng lực và phẩm chất vào hoạt động trong các cơ quan lãnh đạo chính quyền và các đoàn thể³”. Trên cơ sở

đó, Quốc hội bầu, phê chuẩn các chức danh lãnh đạo Nhà nước và miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh đó khi cần thiết. Đảng đề ra chủ trương, đường lối theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Nhà nước thể chế hóa, cụ thể hóa các nhiệm vụ do Đảng đề ra, mà thực chất đó là nhiệm vụ mà Nhân dân giao phó cho Đảng và Nhà nước. Vì vậy, Nhà nước thực hiện đường lối chính trị của Đảng thực chất là thực hiện quyền lực của Nhân dân.

Về vị trí, vai trò của Nhà nước, Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định: “Nhà nước ta là *Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa* của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân. Tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo⁴”. Thể chế hóa quan điểm đó, Điều 2 của Hiến pháp năm 2013 quy định: “1) Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân. 2) Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức. 3) Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp⁵”.

Nhà nước do Nhân dân lập ra để thực hiện quyền lực do Nhân dân ủy quyền vì lợi ích của Nhân dân và xã hội. Trong bộ máy nhà nước, Quốc hội là cơ quan đại diện cho Nhân dân có quyền lực cao nhất, phản ánh quyền và nguyện vọng của Nhân dân đến với Đảng và các cơ quan trong bộ máy nhà nước. Vì thế, Quốc hội là “cầu nối” giữa Nhân dân với Đảng và các cơ quan trong bộ máy nhà nước, phục vụ nhân dân, gắn bó mật thiết với Nhân dân, bảo vệ và thực hiện đầy đủ quyền lực của Nhân dân, tôn trọng, lắng nghe ý kiến của Nhân dân và chịu sự giám sát của Nhân dân.

Nhân dân là chủ thể có vị trí nền tảng trong cơ chế và nguyên tắc vận hành của hệ thống chính trị Việt Nam. Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất do Nhân dân ủy thác. Nhân dân làm chủ dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, và sự lãnh đạo, quản lý đó phải xuất phát từ quan điểm

“dân là gốc”, “dân là chủ và dân làm chủ”. Nhân dân tin tưởng và trao quyền lãnh đạo xã hội cho Đảng để thực hiện khát vọng tự do, dân chủ, quyền làm chủ của Nhân dân. Nhân dân lập ra Nhà nước thông qua cơ chế bầu cử dân chủ và tự do, từ đó Nhân dân ủy quyền, ủy nhiệm cho cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức nhà nước, thay mặt mình thực hiện quyền lực nhà nước. Do đó, Nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân, phải có trách nhiệm bảo đảm để mọi công dân thực hiện tốt nhất các quyền cơ bản của mình theo quy định của pháp luật.

Như vậy, giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và Nhân dân làm chủ vừa độc lập, vừa có mối quan hệ mật thiết với nhau, ở đó quyền lực chính trị là thống nhất và tập trung ở Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân. Trong đó, Quốc hội là cơ quan đại diện của Nhân dân có quyền lực cao nhất trong bộ máy Nhà nước có chức năng: lập hiến, lập pháp; quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước; giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước. Với cơ chế vận hành đó, không thể nói Quốc hội chỉ là cơ quan hợp thức hóa quyền lực của Đảng như luận điệu của các thế lực thù địch.

2. Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân Việt Nam

Quốc hội Việt Nam là thiết chế có vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng đối với việc đảm bảo, thực thi quyền lực của Nhân dân. Tính đại diện của Quốc hội được quy định, thể hiện bằng Hiến pháp, pháp luật và qua hoạt động thực tiễn. Điều 6 của Hiến pháp năm 2013 quy định: “Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng dân chủ trực tiếp, bằng dân chủ đại diện thông qua Quốc hội, Hội đồng nhân dân và thông qua các cơ quan khác của Nhà nước”⁶. Theo đó, Quốc hội là một trong những cơ quan đại diện cho quyền lực của Nhân dân trong bộ máy Nhà nước và là cơ quan đại biểu quyền lực cao nhất của Nhân dân. Điều 69 của Hiến pháp năm 2013 hiến định: “Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam...”⁷.

Như vậy, Quốc hội là cơ quan được Nhân dân trao quyền, thay mặt Nhân dân quyết định những vấn đề liên quan đến quyền, lợi ích chính đáng của Nhân dân. Quốc hội là cơ quan duy nhất do cử tri cả

nước bầu ra dựa trên nguyên tắc: phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín. Đây là những quy định đảm bảo cho mỗi người dân tự do bầu cử, lựa chọn những đại biểu theo ý chí của mình. Nếu đại biểu Quốc hội hoạt động không hiệu quả, không vì lợi ích của Nhân dân, không còn được Nhân dân tin nhiệm nữa thì sẽ bị bãi nhiệm. Điều 7 của Hiến pháp năm 2013 năm quy định: “1) Việc bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân được tiến hành theo nguyên tắc phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín. 2) Đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân bị cử tri hoặc Quốc hội, Hội đồng nhân dân bãi nhiệm khi không còn xứng đáng với sự tín nhiệm của Nhân dân”⁸. Trên thực tế đã có nhiều đại biểu Quốc hội không hoàn thành trọng trách đại diện cho Nhân dân đã bị bãi nhiệm tư cách đại biểu như: Đinh La Thăng, Trịnh Xuân Thanh, Nguyễn Thị Nguyệt Hường, Đặng Thị Hoàng Yến, Châu Thị Thu Nga, Nguyễn Quốc Khánh, Phan Thị Mỹ Thanh, Phạm Phú Quốc... là những trường hợp tiêu biểu trong thời gian gần đây.

Các đại biểu Quốc hội không chỉ đại diện cho Nhân dân ở đơn vị bầu cử ra mình mà còn đại diện cho nhân dân cả nước. Bởi thế, Quốc hội có trách nhiệm cao cả là thay mặt Nhân dân thực hiện đúng và đầy đủ quyền lực nhà nước. Đại biểu Quốc hội phải thường xuyên liên hệ và chịu sự giám sát của cử tri, đề đạt nguyện vọng của cử tri với các cơ quan nhà nước, báo cáo với cử tri về hoạt động của đại biểu và của Quốc hội. Điều 79 của Hiến pháp năm 2013 quy định: “1) Đại biểu Quốc hội là người đại diện cho ý chí, nguyện vọng của Nhân dân ở đơn vị bầu cử ra mình và của Nhân dân cả nước. 2) Đại biểu Quốc hội liên hệ chặt chẽ với cử tri, chịu sự giám sát của cử tri; thu thập và phản ánh trung thực ý kiến, nguyện vọng của cử tri với Quốc hội, các cơ quan, tổ chức hữu quan; thực hiện chế độ tiếp xúc và báo cáo với cử tri về hoạt động của đại biểu và của Quốc hội; trả lời yêu cầu và kiến nghị của cử tri; theo dõi, đôn đốc việc giải quyết khiếu nại, tố cáo và hướng dẫn, giúp đỡ việc thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo. 3) Đại biểu Quốc hội phổ biến và vận động Nhân dân thực hiện Hiến pháp và pháp luật”⁹.

Như vậy, tính đại diện cao nhất của Quốc hội Việt Nam bắt nguồn từ bản chất của nhà nước xã hội

chủ nghĩa mà Nhân dân Việt Nam đã lựa chọn. Tính đại diện này được thực hiện thông qua các chức năng của Quốc hội là lập hiến, lập pháp; quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước; giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước.

Thứ nhất, với chức năng lập hiến, lập pháp. Thông qua hoạt động này, tính đại diện Nhân dân cao nhất của Quốc hội được thể hiện rõ nét. Bởi đây là quyền được Nhân dân giao duy nhất cho Quốc hội mà không một cơ quan nhà nước nào có được. Đồng thời, thông qua hoạt động này, ý chí của Nhân dân, nhu cầu của xã hội được phản ánh trong hiến pháp và pháp luật. Thực hiện chức năng này, thời gian qua Quốc hội đã thông qua và ban hành Hiến pháp năm 2013. Tính từ năm 2013 đến nay đã có nhiều luật, bộ luật, pháp lệnh, nghị quyết... được xây dựng, ban hành và sửa đổi, bổ sung sát với thực tế cuộc sống. Đây là những cơ sở pháp lý rất quan trọng, kịp thời giải quyết những vấn đề nảy sinh từ thực tiễn, góp phần phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững, nâng cao cuộc sống của nhân dân; tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; bảo đảm an ninh và hội nhập quốc tế; xây dựng quan hệ lao động tiên bộ, hài hòa, ổn định; đẩy mạnh cải cách bộ máy nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; cải cách chế độ công chức, công vụ, phòng chống tham nhũng. Trong đó có những chính sách quan trọng thu hút sự quan tâm của dư luận cử tri và nhân dân cả nước như: nâng tuổi nghỉ hưu theo lộ trình; tăng chế tài về xử lý vi phạm giao thông đối với người điều khiển phương tiện giao thông có nồng độ cồn vượt mức cho phép; xây dựng chương trình giáo dục phổ thông cả nước; mọi vi phạm của cán bộ, công chức trong thời gian công tác mà đã nghỉ hưu đều bị xử lý theo quy định của pháp luật tùy theo tính chất, mức độ vi phạm...

Thứ hai, quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước. Đây không phải là những quyết định mang tính chung chung hay đi vào chi tiết, cụ thể của từng sự vụ, mà là những vấn đề cơ bản về hoạt động đối nội, đối ngoại của Nhà nước. Điều 70 của Hiến pháp 2013 quy định Quốc hội có quyền quyết định rất nhiều nội dung quan trọng liên quan đến quốc kế, dân sinh như quyết định mục tiêu, chỉ tiêu, chính

sách, nhiệm vụ cơ bản phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; quyết định chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo, chính sách đối ngoại; quyết định chiến tranh và hòa bình; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức vụ cấp cao của Nhà nước; quyết định trung cầu ý dân. Đặc biệt, là thiết chế đại diện Nhân dân cao nhất, Quốc hội nhận ủy quyền của Nhân dân để quyết định thu, chi ngân sách của đất nước, đó là chính sách tài chính, tiền tệ quốc gia, quyết định dự toán, phê chuẩn ngân sách, định mức giới hạn an toàn nợ Quốc gia, nợ công, nợ Chính phủ...¹⁰.

Trong những nhiệm kỳ gần đây, thực hiện quyền hiến định, Quốc hội đã tiến hành bầu nhân sự đứng đầu các cơ quan nhà nước, phê chuẩn việc bổ nhiệm các thành viên của Chính phủ, đảm bảo tính liên tục và đổi mới bộ máy nhà nước. Trong việc quyết định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, bên cạnh kế hoạch hằng năm, Quốc hội còn ban hành Nghị quyết về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, làm căn cứ phát triển cho cả nhiệm kỳ. Quốc hội cũng đã dành rất nhiều thời gian tập trung đánh giá những mặt tích cực và những hạn chế, yếu kém trong việc thực hiện từng mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội; chỉ rõ nguyên nhân khách quan, chủ quan, kết quả công tác điều hành của Chính phủ, của các ngành, các cấp để từ đó đề ra mục tiêu, nhiệm vụ giải pháp về chính sách, điều hành cho các giai đoạn phát triển tiếp theo.

Đối với lĩnh vực văn hóa - xã hội, hàng loạt các vấn đề nóng như tham nhũng lãng phí; hối lộ; chạy chức, chạy quyền; chất lượng giáo dục, đào tạo; y đức... được các đại biểu chất vấn đến nơi đến chốn, làm sáng rõ những vấn đề cử tri cả nước còn bức xúc, quan tâm. Đồng thời, yêu cầu các cơ quan quản lý vào cuộc, định hướng công luận trong bảo vệ cái tốt, cái đẹp, lên án những cái xấu, cái ác, những hành vi đi ngược lại lợi ích quốc gia dân tộc và chuẩn mực văn hóa dân tộc. Điều đó đã đưa lại cho cử tri sự tin tưởng vào các đại biểu đại diện cho lợi ích của họ.

Thứ ba, giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước. Thông qua chức năng giám sát, Quốc hội sẽ kiểm chứng được tính hiệu quả của Hiến pháp và pháp luật. Điều 69 của Hiến pháp năm 2013 quy định quyền giám sát tối cao đối với hoạt động của

Nhà nước. Đồng thời, được cụ thể ở Khoản 2, Điều 70: “Thực hiện quyền giám sát tối cao việc tuân theo Hiến pháp, luật và nghị quyết của Quốc hội; xét báo cáo công tác của Chủ tịch nước, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Hội đồng bầu cử quốc gia, Kiểm toán nhà nước và cơ quan khác do Quốc hội thành lập”¹¹ là những quy định được ghi nhận trang trọng trên cơ sở kế thừa, phát triển từ bản Hiến pháp năm 1946.

Để cụ thể hóa quy định trên của Hiến pháp, Quốc hội đã ban hành một số luật cơ bản nhằm bảo đảm cơ sở pháp lý của giám sát tối cao như: Luật Tổ chức Quốc hội 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân 2015. Hằng năm Quốc hội còn thông qua nghị quyết về chương trình hoạt động giám sát của Quốc hội, tập trung vào các vấn đề mà cử tri và nhân dân cả nước bức xúc trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Quốc hội đã xem xét các báo cáo của các cơ quan và cá nhân, được thực hiện thường xuyên theo đúng quy định của pháp luật. Hoạt động giám sát theo chuyên đề với nội dung giám sát chuyên sâu đã giúp cho việc hoạch định chính sách ở tầm vĩ mô và quyết định những vấn đề quan trọng trong các lĩnh vực cụ thể, phù hợp với yêu cầu, nguyện vọng của cử tri và Nhân dân cả nước. Đồng thời, Quốc hội còn có hình thức giám sát bằng việc thực hiện chất vấn, giải trình. Thời gian gần đây hình thức chất vấn đã có nhiều thay đổi, chất lượng được nâng cao, đi thẳng vào những vấn đề cử tri và dư luận quan tâm; thông qua truyền hình, phát thanh trực tiếp đã thu hút được sự quan tâm của cử tri và Nhân dân cả nước. Sau phiên chất vấn, Quốc hội đã thông qua nghị quyết về chất vấn và trả lời chất vấn, yêu cầu các cơ quan quản lý nhà nước nghiêm túc nghiên cứu, tiếp thu các ý kiến của các đại biểu Quốc hội, khẩn trương khắc phục những khuyết điểm, hạn chế, sớm triển khai thực hiện các nhiệm vụ thuộc chức trách của ngành mình và báo cáo kết quả với Quốc hội tại các kỳ họp sau.

Cùng với đó, việc giải trình của các cơ quan quản lý nhà nước cũng được Quốc hội đặc biệt quan tâm trong thời gian qua, nhất là sau khi có Nghị quyết số 27/2012/QH13 của Quốc hội yêu cầu tăng cường, đẩy mạnh hoạt động giải trình tại Hội đồng

nhân dân, các ủy ban của Quốc hội. Thông qua hoạt động giải trình, đại biểu Quốc hội có nhiều thông tin quan trọng, làm rõ những vấn đề còn vướng mắc trong làm luật, trong hoạt động quản lý, giảm bớt những vấn đề đưa ra chất vấn tại các phiên họp của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, của kỳ họp Quốc hội. Ngoài ra, Quốc hội có thể yêu cầu các cơ quan quản lý nhà nước báo cáo, cung cấp tài liệu, cử thành viên đến xem xét, xác minh khi có yêu cầu. Đại biểu Quốc hội tiếp xúc cử tri (định kỳ, giữa hai kỳ họp, theo chuyên đề, theo yêu cầu); tiếp nhận đơn thư khiếu nại, tố cáo, yêu cầu các cơ quan giải quyết và giám sát việc giải quyết.

Như vậy, từ quy định pháp lý và hoạt động thực tiễn cho thấy, sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước chính là đảm bảo quyền làm chủ của Nhân dân, là xây dựng, thực hiện đường lối của Đảng thông qua xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân. Trong đó, Quốc hội Việt Nam là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân Việt Nam, cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất, có trách nhiệm bảo vệ, thực hiện quyền lực của Nhân dân trên thực tế. Đó mới là thực chất của cơ cấu và nguyên tắc vận hành của Quốc hội Việt Nam, chứ không phải như luận điệu sai trái, xuyên tạc trên đây.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb CTQG - ST, H, 2011, tr. 89.
2. Quốc hội Việt Nam: *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb CTQG - ST, H, 2013, tr. 9.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb ST, H, 1991, tr. 21.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb CTQG - ST, H, 2011, tr. 85.
5. Quốc hội Việt Nam: *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb CTQG - ST, H, 2013, tr. 8 - 9.
6. *Sđd*, tr. 10.
7. *Sđd*, tr. 32.
8. *Sđd*, tr. 10 - 11.
9. *Sđd*, tr. 41.
10. *Sđd*, tr. 33 - 35.
11. *Sđd*, tr. 33.